

Unit 3: When did you go on holiday?

Write the items below in English.



1. VOCABULARY

English	Vietnamese	English	Vietnamese
1.	Vịnh Hạ Long	16.	kỳ nghỉ hè
2.	Đảo Phú Quốc	17.	ảnh chụp chuyển
3.	Cố đô Huế	18.	cuối tuần
4.	Phố cổ Hội An	19.	gia đình
5.	xe khách	20.	miền bắc
6.	máy bay	21.	tuyệt vời/ kì diệu
7.	xe lửa	22.	tuyệt vời
8.	tắc xi	23.	đi chơi bằng
9.	xe máy	24.	đi du lịch
10.	tàu điện ngầm	25.	ăn hải sản
11.	bờ biển	26.	chụp hình
12.	bãi biển	27.	bơi ở biển
13.	sở thú	28.	đi ngắm cảnh
14.	sân bay	29.	
15.	ga xe lửa, nhà ga	30.	

2. STRUCTURES

	(Bạn đã đi đâu vào kì nghỉ?)
	(Tớ đã đi đến tỉnh Hòa Bình.)
	(Anh ấy đã đi đâu vào kì nghỉ?)
	(Anh ấy đã đi đảo Phú Quốc.)
	(Cô ấy đã đi đâu vào kì nghỉ của cô ấy?)
	(Cô ấy đã đi Phố Cổ Hội An.)

Unit 3: When did you go on holiday?

Write the items below in English.



	(Bạn đi đến Hội An bằng phương tiện gì vậy?)
	(Tôi đi bằng xe khách.)
	(Cô ấy đến Nha Trang bằng phương tiện gì?)
	(Cô ấy đi bằng xe máy.)
	((Anh ấy về quê bằng phương tiện gì?)
	((Anh ấy về bằng xe khách.)

	Bạn đã làm gì ở đó?
	Mình đi tắm biển và ăn hải sản.
	Cô ấy đã làm gì ở đó?
	Cô ấy đã đi ngắm cảnh.

	Chuyến đi thế nào?
	Nó rất tuyệt vời.